

Hòa A, ngày 26 tháng 8 năm 2020

Số: 64/2020/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 70/2020/TLST/HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Sầm Thị B; Sinh năm: 1983;

Bị đơn: Anh Long Văn T; Sinh năm: 1983.

Cùng địa chỉ: Sam L, Trương L, Hòa An, Cao Bằng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Người đại diện theo pháp luật ông Dương Quyết Thắng – Tổng giám đốc; Người được ủy quyền bà Nguyễn Hồng Ngân – Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách huyện Hòa An (văn bản ủy quyền thường xuyên số: 4716/QĐ-NHCS Hà nội, ngày 25/11/2016 của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam);

Địa chỉ: Hoàng Bó 2, thị trấn Nước Hai, Hòa An, Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 37, 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ, khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18/8/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Sầm Thị B và bị đơn anh Long Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Sầm Thị B và anh Long Văn T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Thỏa thuận giao con chung họ tên Long Thanh Ng; Sinh ngày 17/11/2004 và con gái Long Thị Kim Ch, sinh ngày 22/4/2010 cho chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi xét thấy cần thiết.

Về cấp dưỡng: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị B không yêu cầu.

Về Tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Thỏa thuận anh T có trách nhiệm trả khoản nợ 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách huyện Hòa An cả gốc và lãi theo Hợp đồng sổ vay vốn mã khách hàng số 7083614335.

Về án phí: Chị B và anh T mỗi người phải chịu 75.000đ án phí dân sự sơ thẩm cho việc thuận tình ly hôn, anh T phải chịu 1.250.000đ tiền án phí nghĩa vụ, tổng cộng anh T phải nộp tổng số tiền là 1.325.000đ (*Một triệu ba trăm hai mươi năm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm đề sung Ngân sách Nhà nước. Chị B, anh T thuộc diện hộ nghèo nên được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKS, CCTHA huyện HA;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

HOÀNG KIM CHI

